

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TRÀNG AN
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 04 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 77/TB- MNTA ngày 08/04/2021 của trường Mầm non Tràng An)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc Giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2020;

Trường Mầm non Tràng An công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý I năm 2021	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	345,000,000	58,875,000	-	-
I	Số dư đầu năm 2021	2,000,000	2,000,000		
II	Số thu phí, lệ phí	343,000,000	56,875,000		
1	Học phí	343,000,000	56,875,000		
II	Thu sự nghiệp, thu khác	-	0	-	-
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	343,000,000	8,142,800		
1	Học phí	343,000,000	8,142,800		
1.1	Chi thanh toán cá nhân	137,200,000	2,000,000		
	Mục 6000: Tiền lương	137,200,000			
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho học sinh		2,000,000		
1.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	185,800,000	6,142,800		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	22,000,000			
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	40,000,000			
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	-			
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	25,000,000	6,142,800		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	40,000,000			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	58,800,000			
1.3	Chi khác	20,000,000			
	Mục 7750: Chi khác	20,000,000			
IV	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác	-	0	0	0

V	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2,766,000,000	701,929,377	25	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,766,000,000	701,929,377	25	
1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,248,500,000</u>	<u>575,163,624</u>	<u>26</u>	
	Mục 6000: Tiền lương	1,328,000,000	344,875,400	26	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	560,000,000	143,161,587	26	
	Mục 6200: Tiền thưởng	15,000,000	-	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	5,500,000	-	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	340,000,000	87,126,637	26	
1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>497,500,000</u>	<u>97,885,253</u>	<u>20</u>	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	58,000,000	7,825,518	13	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	40,000,000	39,732,000	99	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	12,000,000	7,707,135	64	
	Mục 6650: Hội nghị	8,000,000	-	0	
	Mục 6700: Công tác phí	16,000,000	2,100,000	13	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	74,500,000	12,285,600	16	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	170,000,000	19,840,000	12	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	21,000,000	-	0	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	90,000,000	2,795,000	3	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	8,000,000	5,600,000	70	
	Mục 9050: Mua sắm TS dùng cho công tác cm	12,000,000			
1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>20,000,000</u>	<u>28,880,500</u>	<u>144</u>	
	Mục 7750: Chi khác	20,000,000	28,880,500	144	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		0	

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Thùy Dương

#REF!

